

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/02/2022

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Hùng

Bà Lý Thị Thu Hương

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hà Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 179/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Hà Thúy L** – sinh năm 1989 (*có mặt*)

ĐKNKTT và trú tại: thôn H, xã Q, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Anh Thái Bá B** - sinh năm 1980 (*vắng mặt*)

ĐKNKTT: thôn H, xã Q, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam Thanh Lâm, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 24/3/2021 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là chị Hà Thúy L trình bày:

Chị và anh Thái Bá B được tự do, tự nguyện tìm hiểu và về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 16/6/2009 tại UBND xã Q, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở nhà chồng tại thôn H, xã Q, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh

nhiều mâu thuẫn vì không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng chung sống được khoảng 06 năm thì anh B ngoại tình chung sống với người phụ nữ khác, vợ chồng sống ly thân. Tháng 9 năm 2020, anh B bị Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xử phạt 05 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và hiện đang chấp hành án tại trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa. Từ khi anh B đi chấp hành án đến nay chị chưa vào thăm gặp, vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng quay về đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: vợ chồng chị có một con chung là cháu Thái Bá T sinh ngày 29/12/2009. Hiện nay cháu T đang sống cùng chị do chị trực tiếp chăm sóc. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do anh B đang phải chấp hành án phạt tù nên chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị đang là giáo viên tại trường mầm non xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, có thu nhập và chỗ ở ổn định đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và chị L không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn là anh Thái Bá B có lời khai như sau:

Anh và chị Hà Thúy L về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn vào khoảng tháng 5 năm 2009 tại UBND xã Q, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Vợ chồng sau khi kết hôn sinh sống tại xã Q, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tình cảm rạn nứt, không hiểu nhau. Nay chị L yêu cầu ly hôn quan điểm của anh là đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: anh và chị L có 01 con chung là cháu Thái Bá T sinh ngày 29/12/2009. Hiện nay, anh đang chấp hành án tại trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa nên anh có quan điểm đề nghị giao con chung cho mẹ đẻ của anh là bà Lê Thị Oanh trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu T.

Về tài sản chung, nợ chung: anh chị không có tài sản, công nợ gì chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay:

+Chị L giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, đề nghị giải quyết cho chị ly hôn với anh B.

+Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín có quan điểm:

-Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

-Về nội dung: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hà Thúy L được ly hôn anh Thái Bá B. Về con chung: anh chị có một con chung là cháu Thái Bá T sinh ngày 29/12/2009. Do anh B đang chấp hành án phạt tù tại trại giam nên không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên giao con chung là cháu Thái Bá T cho chị Hà Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh B có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn, xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là “Tranh chấp ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28- Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Thái Bá B đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt do anh đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa nên không tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thúy L và anh Thái Bá B kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/6/2009 tại UBND xã Q, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn H, xã Q, huyện

Thường Tín, thành phố Hà Nội. Mẹ đẻ anh B cho biết vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh B chán nản nên có quan hệ với người phụ nữ khác. Anh B cũng thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, chung sống không hạnh phúc và anh đồng ý ly hôn với chị L. Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Hà Thúy L được ly hôn anh Thái Bá B.

[4] Về con chung: chị L và anh B có một con chung là Thái Bá T sinh ngày 29/12/2009. Chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh B có quan điểm giao con chung cho mẹ đẻ anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Bà Lê Thị Oanh là mẹ đẻ anh B có lời khai đề nghị giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục vì chị L không có nhà ở ổn định, không chăm sóc được con. Cháu T có nguyện vọng được ở cùng bà nội. Xét các yêu cầu trên của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy anh B hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam nên không thực hiện được việc trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung. Đối với chị Hà Thúy L có công việc ổn định là giáo viên mầm non tại xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, Hà Nội và chị L không bị hạn chế quyền cha mẹ đối với con chưa thành niên. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, Hội đồng xét xử giao cháu Thái Bá T cho chị Hà Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh B không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 26- Luật thi hành án dân sự năm 2008.

- Điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thúy L. Chị Hà Thúy L được ly hôn anh Thái Bá B.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Thái Bá T sinh ngày 29/12/2009 cho chị Hà Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh B không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Hà Thúy L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại biên lai số AA/2020/0022666 ngày 08/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thúy L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Thái Bá B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín, TP Hà Nội;
- Chi cục THA huyện Thường Tín;
- UBND xã Q, huyện
Thường Tín, thành phố Hà Nội;
- Lưu HS vụ án.

Trần Thị Thu Hiền